

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81 82, 83, 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số 1074/2021/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Ông Đỗ Lê D, sinh năm 1988

Địa chỉ: CH2.02 Chung cư F, số 14 đường T, phường Đ, thành phố Thủ Đức.

Và bà Phan Thị Diệu H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 1426/49/15 đường N, phường L, thành phố Thủ Đức.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 61, ngày 24/4/2017 của UBND phường N, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa ông Đỗ Lê D và bà Phan Thị Diệu H là hợp pháp.

Căn cứ các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận thấy:

Hôn nhân giữa ông D và bà H là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Thời gian đầu ông D và bà H sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian gần đây giữa ông D và bà H bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm chia sẻ với nhau, vì vậy mà tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Ông D và bà H đã cố gắng hòa giải nhưng vẫn không đạt kết quả như mong muốn. Vì muốn ổn định cuộc sống nên ông D và bà H thống nhất yêu cầu Tòa án cho ông D và bà H được thuận tình ly hôn.

Về con chung: ông Đỗ Lê D và bà Phan Thị Diệu H không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: ông Đỗ Lê D và bà Phan Thị Diệu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Đỗ Lê D và bà Phan Thị Diệu H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 61, ngày 24/4/2017 của UBND phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: ông Đỗ Lê D và bà Phan Thị Diệu H không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: ông Đỗ Lê D và bà Phan Thị Diệu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Đỗ Lê D tự nguyện chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí, án phí mà ông D đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0028790 do Chi cục thi hành án thành phố Thủ Đức lập ngày 30/6/2021. Ông D đã nộp đủ lệ phí. Bà H không phải chịu lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. Thủ Đức;
- VKSND tp. Thủ Đức;
- UBND phường N, Quận 1;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Hải Yến